TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Sơn.

2. Ông Bùi Quốc Lệ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tăng Thị Na U, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Trần Duy K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà U có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 29/11/2024, trong quá trình giải qUết vụ án ngUên đơn bà Tăng Thị Na U trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2017 bà và ông Trần DU K xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/4/2017.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp 6A, xã L, huyện B, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, từ đó vợ chồng thường hay cải vã nhau, vợ chồng bà đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà và ông K có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Diễm, sinh ngày 04/4/2013 và Trần Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 29/12/2016. Hiện con chung đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo qU định của pháp luật nhưng bị đơn ông Trần DU K vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NgUên đơn bà Tăng Thị Na U vẫn giữ ngUên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Tăng Thị Na U khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Duy K, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân hUện Bến Lức thụ lý giải qUết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] NgUên đơn bà Tăng Thị Na U có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần DU K đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà U và ông K.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét thấy, bà Tăng Thị Na U và ông Trần Duy K do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, hUện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/4/2017, hôn nhân của bà U và ông K là hợp pháp. Bà U và ông K do quen biết và đi đến hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo bà U, ngUên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng bà đã ly thân hơn 01 năm nay. Ông K vắng mặt và không thể hiện ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà U. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà U và ông K đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà U được ly hôn với ông K phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà U xác định quá trình chung sống bà U, ông K có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Diễm, sinh ngày 04/4/2013 và Trần Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 29/12/2016. Xét thấy,

cháu Diễm và cháu Ngọc đang sống cùng bà U, tại bản tự khai của cháu Diễm và cháu Ngọc thì ngUện vọng của cháu Diễm và cháu Ngọc là sống cùng với bà U, ông K vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về môi trường sinh hoạt của cháu Diễm và cháu Ngọc, bà U yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận. Ghi nhận sự tự ngUện của bà U không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông K không có văn bản gì trình bày vấn đề này, bà U xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải qUết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Buộc bà Tăng Thị Na U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qU định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị qUết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị qUết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qU định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

TUên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị Na U đối với ông Trần Duy K về việc ly hôn.

Về hôn nhân: Bà Tăng Thị Na U được ly hôn với ông Trần Duy K.

Về nuôi con chung: Bà Tăng Thị Na U và ông Trần Duy K có 02 con chung là Trần Thị Ngọc Diễm, sinh ngày 04/4/2013 và Trần Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 29/12/2016. Giao con chung tên Trần Thị Ngọc Diễm, sinh ngày 04/4/2013 và Trần Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 29/12/2016 cho bà Tăng Thị Na U trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự ngUện của bà U không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên ông K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được qUền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có qUền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Tăng Thị Na U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0007185 ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự hUện Bến Lức. Bà U đã nộp đủ án phí.

3. Về qUền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có qUền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có qUền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND hUện Bến Lức;
- Chi cục THADS hUện Bến Lức;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo